CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xuất nhập khẩu Thuỷ sản Cửu Long An Giang

Ngày 30/06/2025	11,050 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.8%	**-0.5%**	**-6.4%**

DT thuần *Q2/25*
581 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 163| 39.1%
YoY: ▲ 19.0| 3.5%

LN thuần *Q2/25*
7.79 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 4.68| 150%
YoY: ▲ 3.74| 92.3%

LN sau thuế *Q2/25*
6.47 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 3.88| 150%
YoY: ▲ 3.69| 133%

Tỷ suất lãi EBIT *Q2/25*
2.8%
YoY: +/-▲ 0.5%

ROE (TTM) *Q2/25*
1.8%
YoY: +/-▲ 0.4%

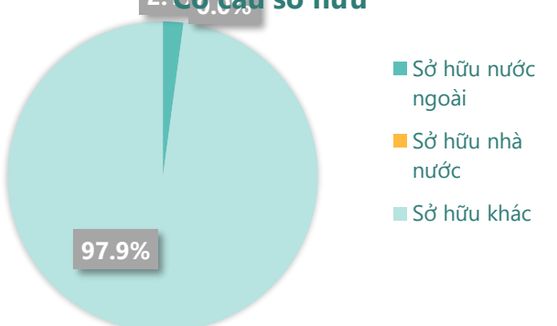
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,000 - 13,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	554
Số lượng CPLH (CP)	50,159,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)	59,735
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	0.72
EPS	290
P/E	38.1

DT thuần *6T 2025*
1,000 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 122| 13.9%

LN thuần *6T 2025*
10.9 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 4.24| 63.6%

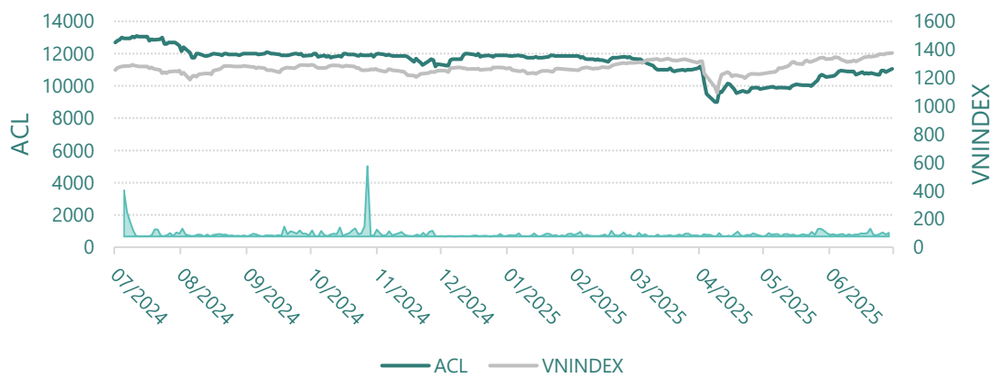
LN sau thuế *6T 2025*
9.06 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 4.00| 79.2%

Cơ cấu sở hữu

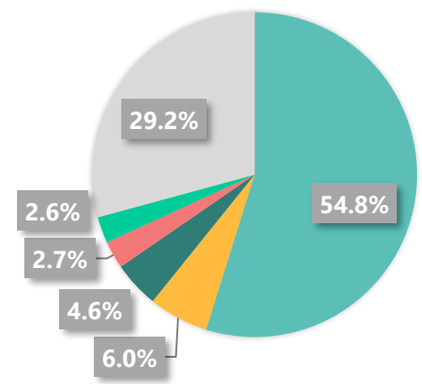


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

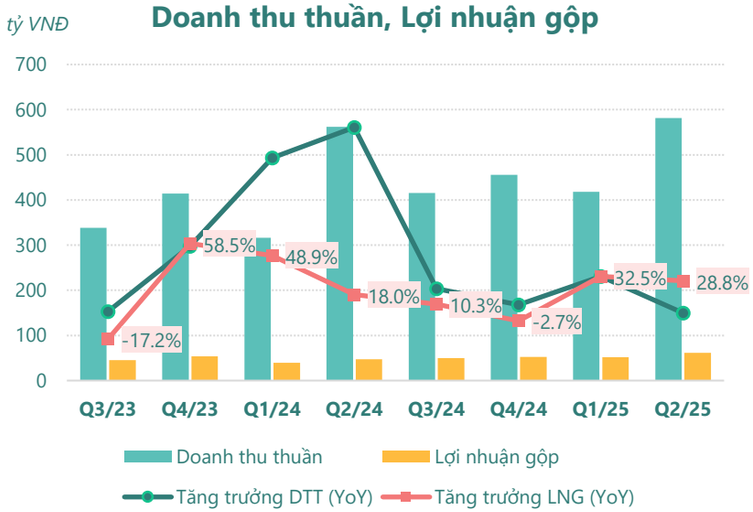


- Trần Thị Vân Loan (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thương Nhật Vi (Thành viên HĐQT)
- Trần Thị Thu Vân
- Trần Tuấn Khanh (Phó Tổng giám đốc)
- Trần Tuấn Nam
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

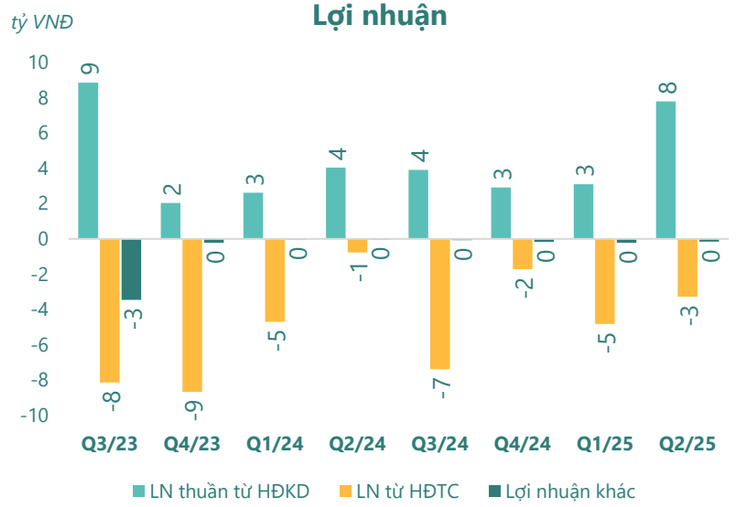
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



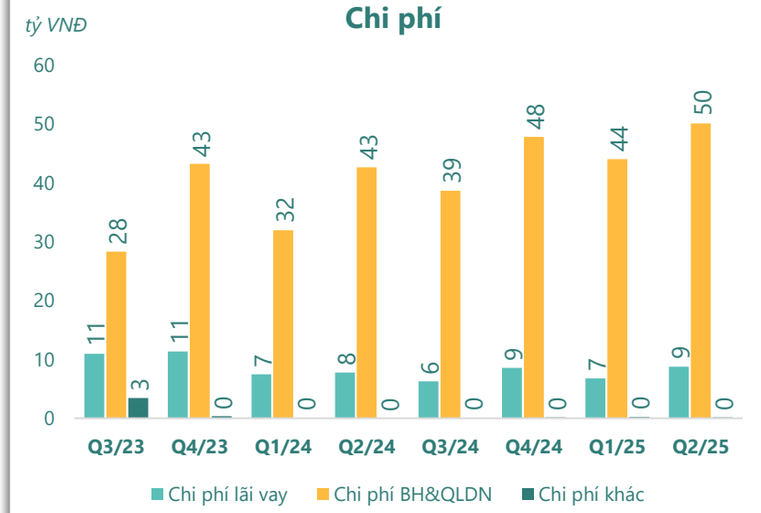
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



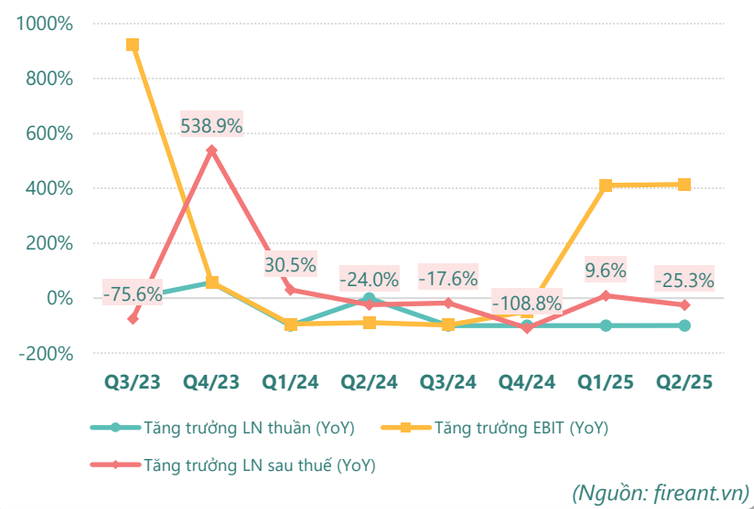
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



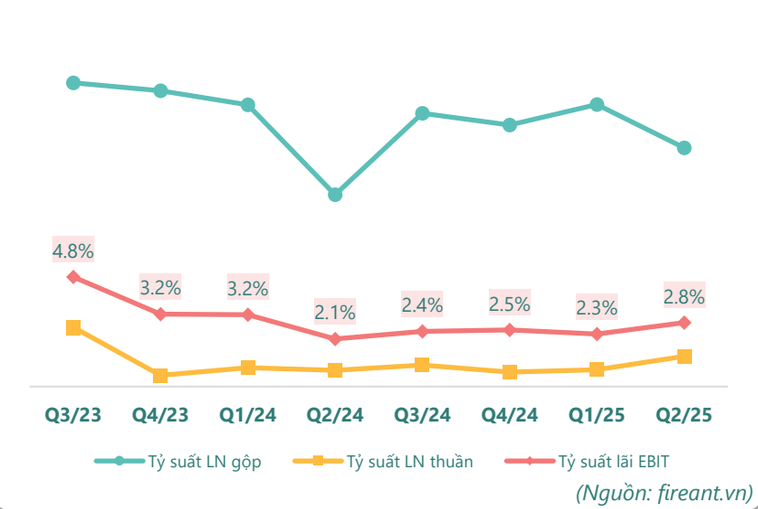
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



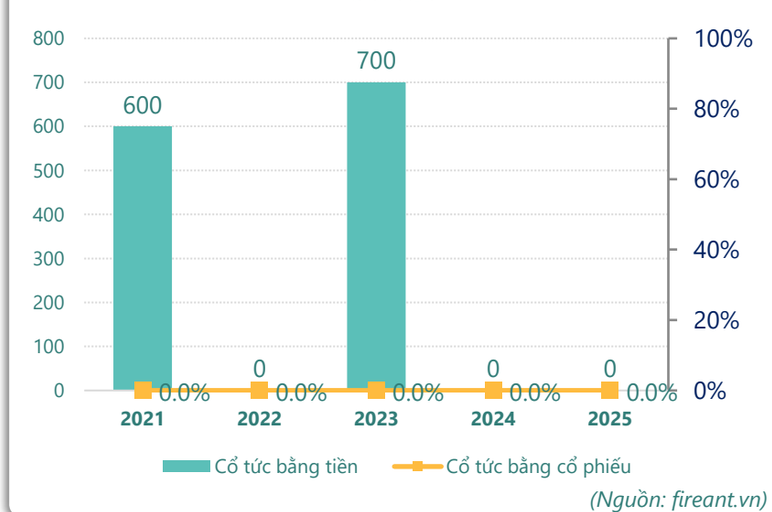
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

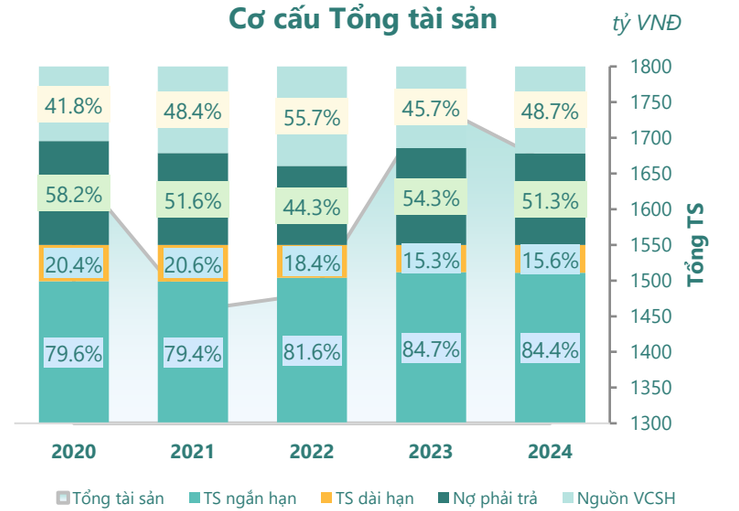
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

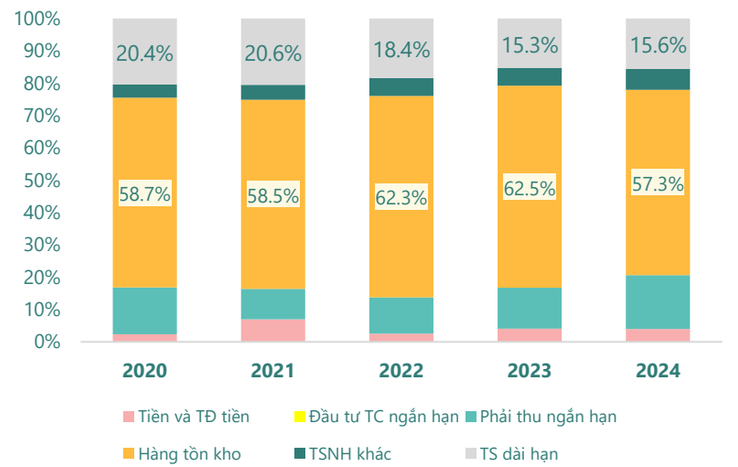
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



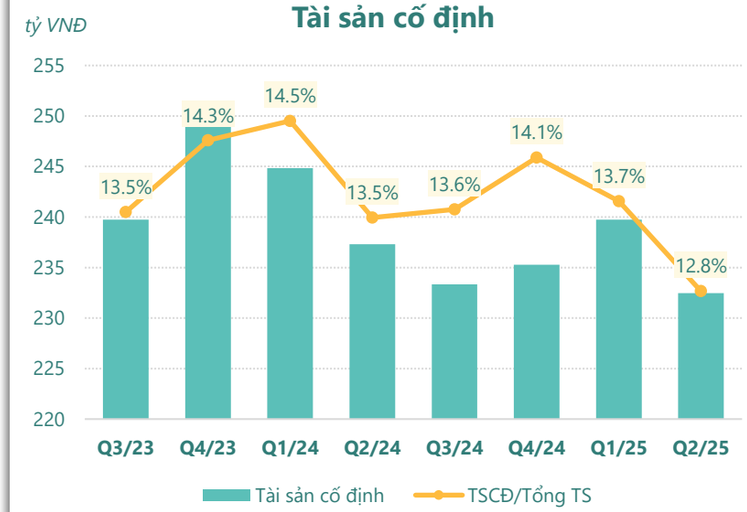
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



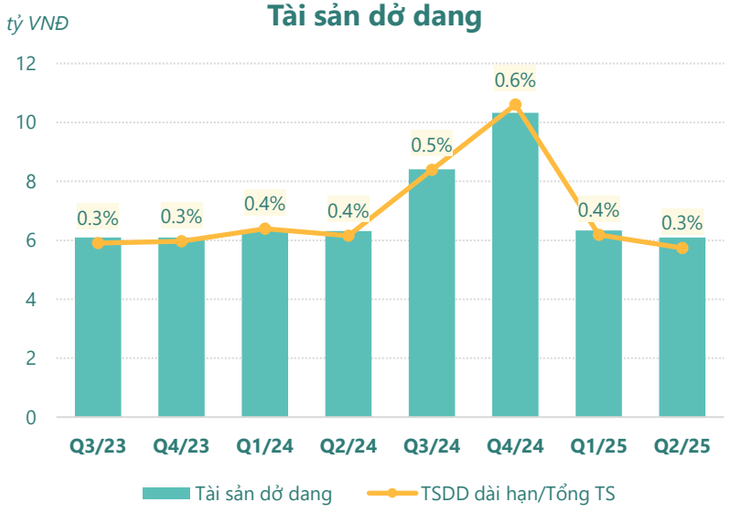
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



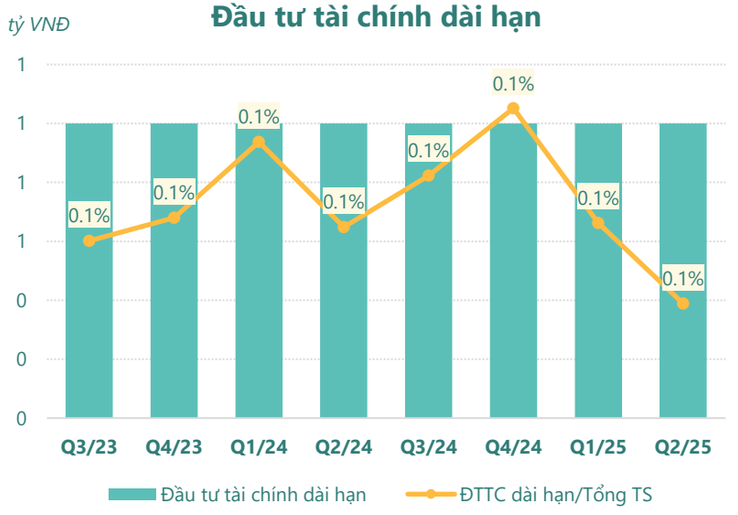
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



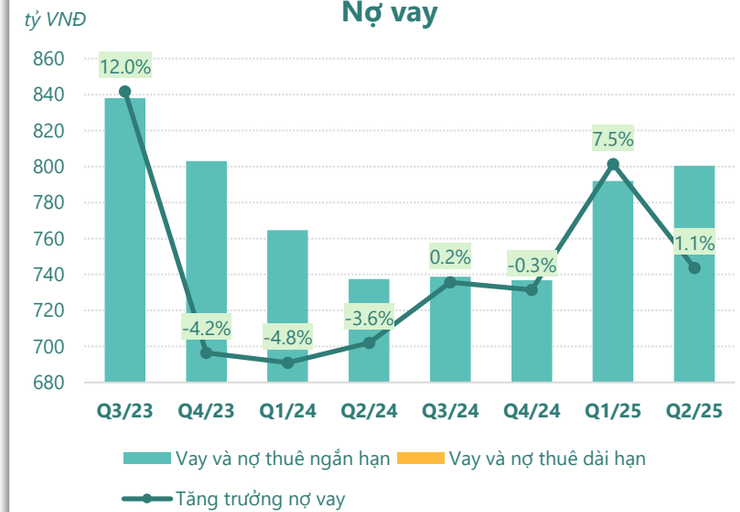
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

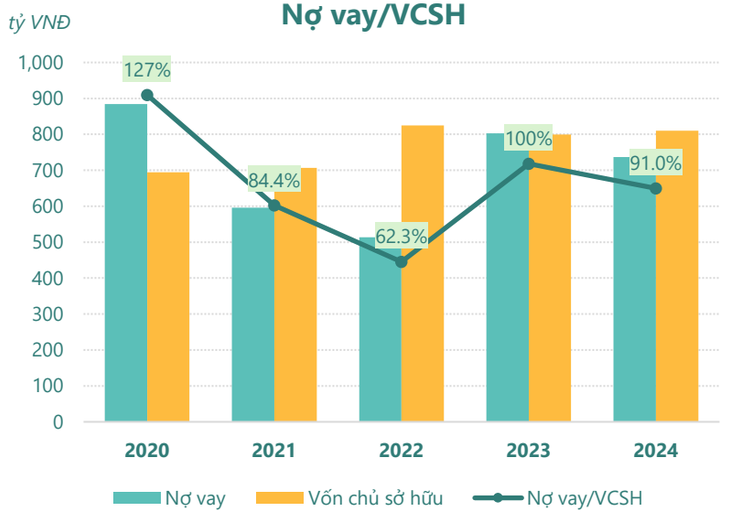
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

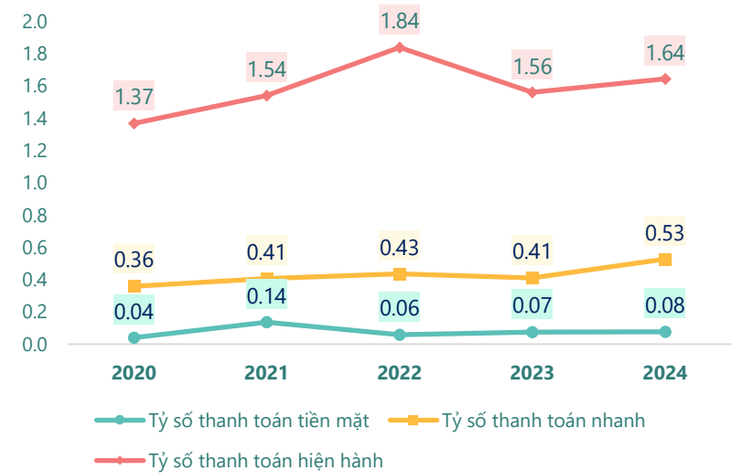
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



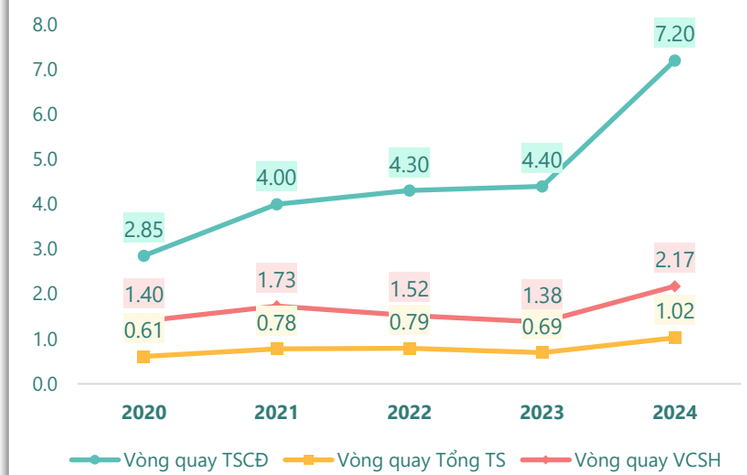
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



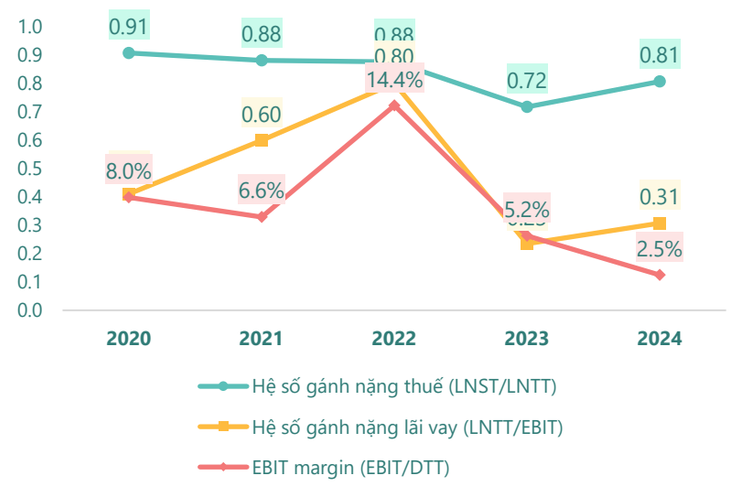
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



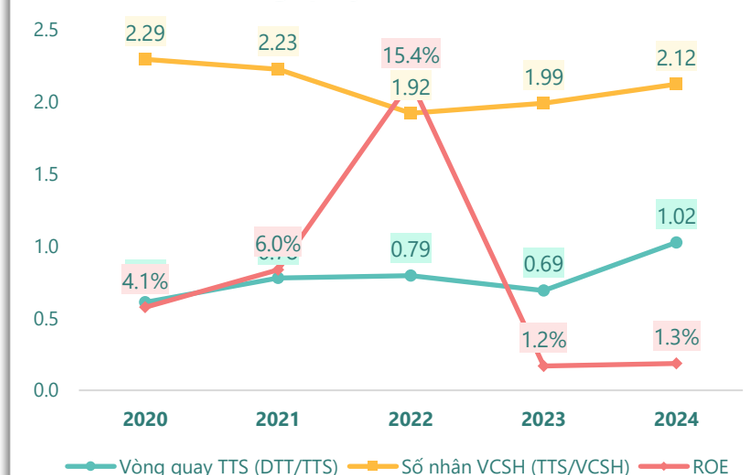
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



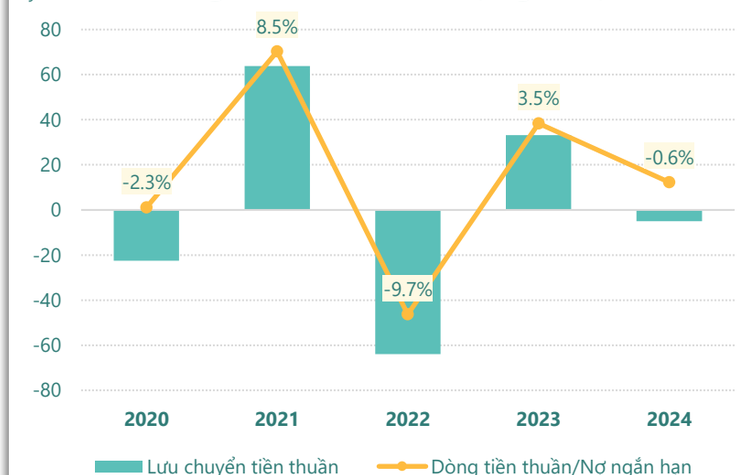
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**581**	**562**	**3.5%**	**1,000**	**878**	**13.9%**
Giá vốn hàng bán	520	514	1.2%	886	791	12.0%
Lợi nhuận gộp	61.2	47.5	28.9%	113	86.8	30.5%
Doanh thu HĐTC	5.72	7.13	-19.7%	8.67	10.1	-14.1%
Chi phí TC	9.00	7.91	13.8%	16.8	15.6	7.7%
Chi phí lãi vay	8.77	7.78	12.7%	15.5	15.2	2.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	33.3	28.3	17.7%	62.3	49.3	26.2%
Chi phí QLDN	**16.8**	**14.4**	**17.0%**	**32.0**	**25.3**	**26.4%**
LN thuần từ HĐKD	7.79	4.05	92.3%	10.9	6.66	63.6%
Lợi nhuận khác	**-0.16**	**-0.03**	**-437%**	**-0.39**	**-0.08**	**-412%**
LN trước thuế	7.63	4.01	90.2%	10.5	6.58	59.6%
Lợi nhuận sau thuế	**6.47**	**2.78**	**133%**	**9.06**	**5.06**	**79.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.47**	**2.78**	**133%**	**9.06**	**5.06**	**79.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.7	71.8	-7.25	-10.1	-16.4	-11.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.46	-0.61	-1.96	-7.90	-6.12	-20.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-38.4	-27.2	1.39	-2.08	55.2	8.45
Tiền đầu kỳ	71.1	50.0	94.0	86.2	66.1	98.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-21.1**	**44.0**	**-7.82**	**-20.1**	**32.6**	**-23.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0.04	0	0.00
Tiền cuối kỳ	50.0	94.0	86.2	66.1	98.7	75.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,821**	**1,664**	**9.4%**
Tài sản ngắn hạn	1,560	1,404	11.1%
Tiền và tương đương tiền	75.0	66.1	13.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	0	
Phải thu ngắn hạn	354	278	27.5%
Hàng tồn kho	1,001	953	5.0%
Tài sản ngắn hạn khác	110	107	2.9%
Tài sản dài hạn	**261**	**260**	**0.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	232	235	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.10	10.3	-41.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	1.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**21.7**	**13.8**	**57.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,002	854	17.3%
Nợ ngắn hạn	**1,002**	**854**	**17.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	800	737	8.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	155	69.5	124%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**819**	**810**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**819**	**810**	**1.1%**
Vốn điều lệ	502	502	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)